

**MỤC TIÊU GIÁO DỤC TRƯỜNG MN XUÂN DƯƠNG**  
**LỨA TUỔI NHÀ TRẺ**  
**NĂM HỌC 2020 - 2021**

NHÀ TRẺ 3-12 THÁNG	NHÀ TRẺ 12-24 THÁNG	NHÀ TRẺ 24-36 THÁNG
<b>I. Giáo dục phát triển thể chất</b>		
<b>a) Phát triển vận động</b>		
<b>1. Thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp</b>		
		(MT1) 1. Thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng/bụng và chân.
<b>2. Thực hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu</b>		
		(MT2) 2.1. Giữ được thăng bằng trong vận động đi/ chạy thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bề vật trên tay.
		(MT3) 2.2. Thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: tung - bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m; ném vào đích xa 1-1,2m.
		(MT4) 2.3. Phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.
		(MT5) 2.4. Thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m).

<b>3. Thực hiện vận động cử động của bàn tay, ngón tay</b>		
		(MT6) 3.1. Vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện “múa khéo”.
		(MT7) 3.2. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay-mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ tổ chim; khâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.
<b>b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe</b>		
<b>1. Có một số nền nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt</b>		
		(MT8) 1.1. Thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.
		(MT9) 1.2. Ngủ 1 giấc buổi trưa.
		(MT10) 1.3. Đi vệ sinh đúng nơi qui định.
		<p><i>(MT11) - Trẻ có cân nặng đạt yêu cầu của độ tuổi (CS1)</i></p> <p><i>Cân nặng:</i></p> <p><i>-Trẻ trai: 11,3-18,3kg</i></p> <p><i>-Trẻ gái: 10,8 -18,1kg</i></p> <p><i>Chiều cao:</i></p> <p><i>- Trẻ trai: 88,7- 103,5 cm</i></p> <p><i>- Trẻ gái: 87,4- 102,7 cm</i></p>
<b>2. Thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe</b>		

		(MT12) 2.1. Làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...).
		(MT13) 2.2. Chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.
<b>3. Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn</b>		
		(MT14) 3.1. Biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở.
		(MT15) 3.2. Biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn, ...) khi được nhắc nhở.
<b>4. Cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi</b>		
<b>II. Giáo dục phát triển nhận thức</b>		
<b>1. Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan</b>		
		(MT16) 1. Sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, ném để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.
<b>2. Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi</b>		
		(MT17) 2.1 Chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.

		(MT18) 2.2. Nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.
		(MT19) 2.3. Nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.
		(MT20) 2.4 Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc.
		(MT21) 2.5 Chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/xanh theo yêu cầu.
		(MT22) 2.6 Chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu.
<b>III. Giáo dục phát triển ngôn ngữ</b>		
<b>1. Nghe hiểu lời nói</b>		
		(MT23) 1.1Thực hiện được nhiệm vụ từ 2-3 hành động.VD: đồ cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay
		(MT24) 1.2. Trả lời các câu hỏi: “Ai đây?”, “Cái gì đây?”, “...làm gì?”, “...thế nào?” (ví dụ: con gà gáy thế nào?”, ...)
		(MT25) 1.3. Hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu

		hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.
<b>2. Nghe, nhắc lại các âm, các tiếng và các câu</b>		
		(MT26) 2.1. Phát âm rõ tiếng.
		(MT27) 2.2. Đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.
<b>3. Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp</b>		
		(MT28) 3.1. Nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.
		(MT29) 3.2. Sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: - Chào hỏi, trò chuyện. - Bày tỏ nhu cầu của bản thân. - Hỏi về các vấn đề quan tâm như: "Con gì đây?" "Cái gì đây?"
		(MT30) 3.3. Nói to, đủ nghe, lễ phép.
<b>IV. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ</b>		
<b>1. Biểu lộ sự nhận thức về bản thân</b>		
		(MT31) 1.1. Nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi).
		(MT32) 1.2 Thể hiện điều mình thích và không thích.
<b>2. Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi</b>		

		(MT33) 2.1. Biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.
		(MT34) 2.2. Nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi.
		(MT35) 2.3. Biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.
		(MT36) 2.4. Biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi.
<b>3. Thực hiện hành vi xã hội đơn giản</b>		
		(MT37) 3.1. Biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ.
		(MT38) 3.2. Biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...).
		(MT39) 3.3. Chơi thân thiện cạnh trẻ khác.
		(MT40) 3.4. Thực hiện một số yêu cầu của người lớn.
<b>4. Thể hiện cảm xúc qua hát, vận động theo nhạc/ tô màu, vẽ, nặn, xếp hình, xem tranh</b>		
		(MT41) 4.1. Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát / bản nhạc quen thuộc.

		(MT42) 4.2. Thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (Cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc)
--	--	--